

Số: 415/QĐ-UBND

Kiến Thuy ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho các phòng, đơn vị, trường học**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN THUY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 25/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Thuy về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 sau sắp xếp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho phòng, đơn vị, trường học như sau:

1. Dự toán thu ngân sách

1.1 Tổng thu ngân sách nhà nước: 326.855 triệu đồng.

Trong đó:

- | | |
|--|--------------------|
| - Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: | 6.124 triệu đồng |
| - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: | 145.424 triệu đồng |
| + Thu bổ sung cân đối: | 315.324 triệu đồng |
| + Thu bổ sung có mục tiêu: | 8.452 triệu đồng |

1.2. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 3.079 triệu đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 323.776 triệu đồng

2. Dự toán chi ngân sách

- Tổng chi ngân sách địa phương (sau trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 326.855 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương (trước trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 333.907 triệu đồng. Tiết kiệm chi thường xuyên: 7.052 triệu đồng.

Trong đó:

2.1. Chi thường xuyên (sau trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 320.446 triệu đồng. Chi thường xuyên (trước trừ tiết kiệm 10% chi thường xuyên): 327.498 triệu đồng. Tiết kiệm 10% chi thường xuyên: 7.052 triệu đồng;

2.2. Dự phòng ngân sách: 6.409 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với dự toán thu ngân sách Nhà nước và cân đối thu, chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2025 được giao, các phòng, các cơ quan, đơn vị, trường học tổ chức thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2025.

Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán: Giao Phòng Kinh tế chủ trì rà soát, sắp xếp, xây dựng phương án chi đảm bảo ưu tiên kinh phí để thực hiện chế độ chính sách cho con người (chi trả lương, chế độ an sinh xã hội,...).

2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao các phòng, các cơ quan, đơn vị, trường học lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế theo quy định và gửi Phòng Giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, kiểm soát.

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, ... đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị.

Các phòng, các cơ quan, đơn vị, trường học chủ động điều hành dự toán ngân sách trong phạm vi được duyệt, bảo đảm hiệu quả, bố trí các khoản chi theo thứ tự ưu tiên trước hết đảm bảo chi lương, phụ cấp, an sinh xã hội, chế độ

chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; nghiêm túc thực hiện yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, khánh tiết, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp.

Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ chung của xã, căn cứ dự toán năm 2025, các phòng, đơn vị lập dự toán chi tiết gửi Phòng Kinh tế kiểm tra theo quy định. Căn cứ khối lượng công việc dự toán và khả năng cân đối ngân sách, Phòng Kinh tế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã phương án phân bổ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Thuế cơ sở 6 thành phố Hải Phòng, Phòng giao dịch số 3 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III, Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã và Thủ trưởng các phòng, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
 - Sở Tài chính thành phố HP;
 - TTĐU, TT HĐND xã;
 - CT, các PCT UBND xã;
 - Như Điều 3;
 - Lưu: VT.
- } Để b/c

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Thụy

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY

QB-1

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	330.640	326.855
I	Thu nội địa	6.864	3.079
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2.350	470
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.165	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	1.260	1.260
8	Thu phí, lệ phí	199	199
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	905	905
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)	740	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	80	80
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	165	165
II	Thu viện trợ		
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	323.776	323.776
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	315.324	315.324
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	8.452	8.452

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY**

QĐ-02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	333.907	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	333.907	
	Trong đó:		
I	Chi đầu tư phát triển		
1	Chi đầu tư cho các dự án		
	Trong đó:		
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		
1.2	Chi khoa học và công nghệ		
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		
1.4	Chi văn hóa thông tin		
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		
1.6	Chi thể dục thể thao		
1.7	Chi bảo vệ môi trường		
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		
1.10	Chi bảo đảm xã hội		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	327.498	
	Trong đó:		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	129.235	
2	Chi An ninh quốc phòng	5.301	
3	Chi khoa học và công nghệ		
4	Chi y tế, dân số và gia đình	36.062	
5	Chi văn hóa thông tin	4.904	
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.558	
7	Chi thể dục thể thao	1.072	
8	Chi bảo vệ môi trường	4.383	
9	Chi các hoạt động kinh tế	15.461	
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36.614	
11	Chi bảo đảm xã hội	91.277	
12	Chi khác	1.632	
III	Dự phòng ngân sách	6.409	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương		
B	Chi viện trợ		
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		

HAI PHÒNG

[Chữ ký]

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY

QĐ-03

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ KIẾN THỤY NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	326.855
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	3.079
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	2.609
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	470
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	323.776
-	Thu bổ sung cân đối	315.324
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.452
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	326.855
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	326.855
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	320.446
3	Dự phòng ngân sách	6.409
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi viện trợ	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY

QĐ-04

TỔNG HỢP THU HỌC PHÍ KHỐI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND, ngày 30 / 7 /2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy)

Đơn vị tính: nghìn đồng

T T	Đơn vị	Mẫu giáo công lập				Nhà trẻ công lập				Thành tiền khối MN	THCS					Tổng số thu học phí	Ghi chú
		Số học sinh		Mức thu		Số học sinh		Mức thu			Số học sinh		Mức thu		Thành tiền		
		Tổng số học sinh	T.đó: MN,HĐ	Xã thường	Xã MN, HĐ	Tổng số học sinh	T.đó: MN, HĐ	Xã thường	Xã MN, HĐ		Tổng số	T.đó: MN, HĐ	Xã thường	Xã MN, HĐ			
A	B	I	Ia	2	3	4	4a	5	6	7	8	8a	9	10	$11=((8-8a)*9+(8a*10))*9t$	$12=7+11$	C
I	Khối Mầm non	1 438	0		0	340	0		0	1 381 590	0	0	0	0	0	1 381 590	
1	Trường MN Thuận Thiên	369		85		90		92		356 805					0	356 805	
2	Trường MN Hữu Bằng	382		85		75		92		354 330					0	354 330	
3	Trường MN Thụy Hương	255		85		50		92		236 475					0	236 475	
4	Trường MN Thanh Sơn	232		85		50		92		218 880					0	218 880	
5	Trường MN Liên Cơ	200		85		75		92		215 100					0	215 100	
II	Khối TH và THCS										899				501 642	501 642	
2	Trường TH&THCS Thanh Sơn									0	457		62		255 006	255 006	
3	Trường TH&THCS Thụy Hương									0	442		62		246 636	246 636	
III	Khối THCS										2 112				1 178 496	1 178 496	
1	Trường THCS Hữu Bằng									0	756		62		421 848	421 848	
2	Trường THCS thị trấn Núi Đồi									0	655		62		365 490	365 490	
3	Trường THCS Thuận Thiên									0	701		62		391 158	391 158	
	CỘNG	1 438	0	0	0	340	0	0	0	1 381 590	3 011	0	0	0	1 680 138	3 061 728	0



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DẪN SỞ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC	CHI DỰ PHÒNG	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
												CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN						
A	B	1	2	3		4	5	6	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12,0	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	327.548,07	129.234,8	-	5.350,67	36.062,00	4.903,80	1.558	1.072	4.383,2	15.460,6	15.460,6	-	36.614,16	91.277,00	1.631,84	6.409	7.052	320.446
I	Chi đầu tư																		
II	Chi thường xuyên	327.548,07	129.234,8	-	5.350,67	36.062,00	4.903,80	1.558	1.072	4.383,2	15.460,6	15.460,6	-	36.614,16	91.277,00	1.631,84	6.409	7.052	320.446
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3.171,53												3.171,53					
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	5.298,51			1.531,32									3.389,19	378				
4	Hội đồng nhân dân	1.332,17												1.332,17					
5	Phòng Kinh tế	3.318,23							1.500	700	700			1.118,23					
6	Phòng Văn hóa xã hội	14.466,72												854,32	13.612,40				
2	TT chính trị	445,42												445,42					
7	TT hành chính công	721,20												721,20					
8	Sự nghiệp công	646,52							12,85					633,67					
9	MTTQ	1.052,57												1.052,57					
III	Các trường	102.902,00	102.902,00																
A	Mầm non	30.289,93	30.289,932																
1	Trường mầm non Thanh Sơn	5.862,99	5.862,992																
2	Trường Mầm non Thuận Thiên	7.212,94	7.212,938																
3	Trường mầm non Hữu Bằng	6.966,61	6.966,607																
4	Trường mầm non Thụy Hương	5.466,20	5.466,202																
5	Trường mầm non Liên cơ	4.781,19	4.781,193																
B	Tiểu học	38.498,15	38.498,151																
1	Trường Tiểu học Thuận Thiên	10.167,27	10.167,266																
2	Trường Tiểu học Hữu Bằng	9.442,38	9.442,379																
3	Trường TH TT núi Đồi	7.631,61	7.631,607																
4	Trường TH&THCS Thanh Sơn	6.006,63	6.006,628																
5	Trường TH&THCS Thụy Hương	5.250,27	5.250,271																
C	Trung học cơ sở	34.113,91	34.113,912																
1	Trường THCS Hữu Bằng	7.247,98	7.247,979																
2	Trường TH&THCS Thanh Sơn	6.543,24	6.543,238																
3	Trường THCS Thuận Thiên	7.067,48	7.067,479																
4	Trường THCS thị trấn Núi Đồi	7.147,23	7.147,231																
5	Trường TH&THCS Thụy Hương	6.107,99	6.107,985																
IV	Các nhiệm vụ chi khác	194.193,21	26.332,80		3.819,35	36.062,00	4.903,80	1.558,00	1.059,16	2.883,20	14.760,60	14.760,60		23.895,86	77.286,60	1.631,84	6.409,00	7.052,00	320.446,00

HAI PHÒNG

69